



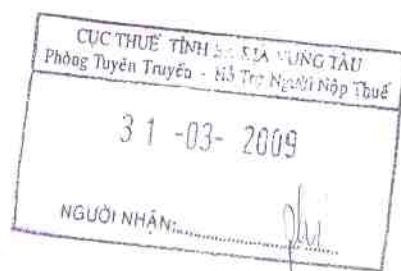
Đào Công Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2008



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 16

VI
/ 33 /
C
C

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên (từ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
Bà Đinh Thị Thủy	Thành viên
Ông Christopher Nghĩa Đỗ	Thành viên
Ông Lê Quang Vinh	Thành viên (từ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
Bà Chu Thị Trung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Thiện	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
Ông Lê Quang Vinh	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
Ông Trần Quang Đán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
Ông Bùi Văn Đán	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM
Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, Thiện


Nguyễn Đức Thiện
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 3 năm 2009

1372-6
H/PH
IG TY
CHH/HL
ITTE
NAM
A NOD
CNG

Số: ALC /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám Đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 16 tháng 3 năm 2009
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

MÃU B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN		Mã số	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.804.447.039	11.189.243.925
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	14.589.526.362	11.016.964.603
	1. Tiền	111		1.864.088.543	5.016.964.603
	2. Các khoản tương đương tiền	112		12.725.437.819	6.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	10.000.000.000	-
	1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.000.000.000	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.013.030.387	-
	1. Phải thu khách hàng	131		3.834.235.264	-
	2. Các khoản phải thu khác	135		178.795.123	-
IV.	Hàng tồn kho	140	6	168.907.978	5.441.000
	1. Hàng tồn kho	141		168.907.978	5.441.000
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.032.982.312	166.838.322
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		434.700.893	20.766.217
	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		436.102.419	136.572.105
	3. Tài sản ngắn hạn khác	158		162.179.000	9.500.000
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67.616.249.177	1.465.128.427
I.	Tài sản cố định	220		66.223.222.901	1.337.218.554
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	62.837.483.218	1.055.353.296
	- Nguyên giá	222		65.148.563.414	1.101.229.101
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.311.080.196)	(45.875.805)
	2. Tài sản cố định vô hình	227	8	25.510.275	32.313.015
	- Nguyên giá	228		34.013.700	34.013.700
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.503.425)	(1.700.685)
	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	3.360.229.408	249.552.243
II.	Tài sản dài hạn khác	260		1.393.026.276	127.909.873
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	663.799.026	107.144.873
	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	599.177.250	-
	3. Tài sản dài hạn khác	268		130.050.000	20.765.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		97.420.696.216	12.654.372.352

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		36.381.788.763	769.098.754
I. Nợ ngắn hạn	310		14.700.464.862	769.098.754
1. Phải trả người bán	312		8.362.770.832	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	55.235.531	13.033.256
3. Phải trả người lao động	315		333.398.726	91.546.329
4. Chi phí phải trả	316		4.722.334.133	156.287.364
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.226.725.640	508.231.805
II. Nợ dài hạn	330		21.681.323.901	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	21.556.941.201	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		124.382.700	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61.038.907.453	11.885.273.598
I. Vốn chủ sở hữu	410		61.038.907.453	11.885.273.598
1. Vốn điều lệ	411	14	67.200.000.000	13.570.320.000
2. Dự phòng chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	3.641.931
3. Lỗ lũy kế	420	14	(6.161.092.547)	(1.688.688.333)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		97.420.696.216	12.654.372.352



Nguyễn Đức Thiện
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 3 năm 2009

Lê Thị Thu Giang
Kế toán trưởng

1372
HÀNH
KẾ T
SINH
HIT
(NA)
(A-NH)
16

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 02-DN
Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	2008	Từ 28/5/2007 đến 31/12/2007
1. Doanh thu gộp	01		7.866.382.436 -	-
2. Doanh thu thuần	10		7.866.382.436	-
3. Giá vốn hàng bán	11		(7.102.101.957) -	-
4. Lợi nhuận gộp	20		764.280.479	-
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	1.515.785.920 -	66.762.109
6. Chi phí tài chính	22	16	(1.271.132.375) -	(4.434.917)
7. Chi phí bán hàng	24		(1.757.271.060) -	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(4.101.476.384) -	(1.756.015.525)
9. Lỗ từ hoạt động kinh doanh	30		(4.849.813.420)	(1.693.688.333)
10. Thu nhập khác	31		128.895.369 -	5.000.000
11. Chi phí khác	32		(350.663.413)	-
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40		(221.768.044)	5.000.000
13. Lỗ kế toán trước thuế	50		(5.071.581.464) (A)	(1.688.688.333)
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	-	-
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	11	599.177.250	-
16. Lỗ sau thuế	60		(4.472.404.214)	(1.688.688.333)



Nguyễn Đức Thiện
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 3 năm 2009

Lê Thị Thu Giang
Kế toán trưởng


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 03-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2008	Từ 28/5/2007 đến 31/12/2007
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01	(5.071.581.464)	(1.688.688.333)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.272.007.131	47.576.490
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	45.000.563	3.641.931
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.405.063.454)	(66.758.458)
Chi phí lãi vay	06	1.148.482.417	-
3. Lỗ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.011.154.807)	(1.704.228.370)
Tăng các khoản phải thu	09	(14.312.560.701)	(136.572.105)
Tăng hàng tồn kho	10	(163.466.978)	(5.441.000)
Tăng các khoản phải trả	11	21.072.825.212	769.098.754
Tăng chi phí trả trước	12	(970.588.829)	(127.911.090)
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.095.538.372)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	14	(265.605.931)	(30.265.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.253.909.594	(1.235.318.811)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(74.228.031.927)	(1.384.795.044)
Thu lãi tiền gửi	27	1.405.063.454	66.758.458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(72.822.968.473)	(1.318.036.586)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	53.629.680.000	13.570.320.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	26.495.007.169	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.993.741.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	75.130.945.669	13.570.320.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.561.886.790	11.016.964.603
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	11.016.964.603	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	10.674.969	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	14.589.526.362	11.016.964.603

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 7.070.020.449 đồng (năm 2007 là không), là số tiền dùng cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.


Nguyễn Đức Thiện
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 3 năm 2009


Lê Thị Thu Giang
Kế toán trưởng

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 20 năm theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 5 năm 2007, và các giấy phép điều chỉnh.

Các cổ đông của Công ty là Công ty Cổ phần Dung Dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí (sở hữu 27,00% vốn điều lệ) và Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên (sở hữu 34,02% vốn điều lệ), được thành lập tại Việt Nam và IEV Energy SDN.BHD (sở hữu 12,00% vốn điều lệ), được thành lập tại Malaysia. Các cổ đông khác sở hữu 26,98% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 82 người (năm 2007 là 13 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG và LNG, quy mô 50.000.000 m³/năm; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG và LNG.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ sách cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	3-5
Phương tiện vận tải	10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (5) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy Chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng ba năm kể từ năm tài chính đầu tiên của Công ty.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ loại nhỏ, và các thiết bị văn phòng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai hoặc ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ

Thuế thu nhập hoãn lại, nếu có, được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại, nếu có, được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	22.261.694	41.058.941
Tiền gửi ngân hàng	1.841.826.849	4.975.905.662
Các khoản tương đương tiền	12.725.437.819	6.000.000.000
	<u>14.589.526.362</u>	<u>11.016.964.603</u>

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng với lãi suất được hưởng từ 6,0% đến 10,2% một năm.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng với lãi suất được hưởng 13% một năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công cụ, dụng cụ	-	5.441.000
Thành phẩm	168.907.978	-
	<u>168.907.978</u>	<u>5.441.000</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VNĐ</u>	Máy móc Thiết bị <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2008	-	-	221.867.039	879.362.062	1.101.229.101
Tăng	-	-	288.780.515	1.466.406.875	1.755.187.390
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.188.465.960	54.371.540.412	-	6.732.140.551	62.292.146.923
Tại ngày 31/12/2008	1.188.465.960	54.371.540.412	510.647.554	9.077.909.488	65.148.563.414
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2008	-	-	(16.563.733)	(29.312.072)	(45.875.805)
Khấu hao trong năm	(39.615.532)	(1.351.760.418)	(96.590.094)	(777.238.347)	(2.265.204.391)
Tại ngày 31/12/2008	(39.615.532)	(1.351.760.418)	(113.153.827)	(806.550.419)	(2.311.080.196)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2008	1.148.850.428	53.019.779.994	397.493.727	8.271.359.069	62.837.483.218
Tại ngày 31/12/2007	-	-	205.303.306	850.049.990	1.055.353.296

Theo trình bày tại Ghi chú số 12, Công ty đã thể chấp tất cả tài sản với giá trị còn lại tương đương 62.837.483.218 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Công ty.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Phần mềm kế toán
VNĐ

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 1/1/2008

34.013.700

Tăng

-

Tại ngày 31/12/2008

34.013.700

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 1/1/2008

(1.700.685)

Khấu hao trong năm

(6.802.740)

Tại ngày 31/12/2008

(8.503.425)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2008

25.510.275

Tại ngày 31/12/2007

32.313.015

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

2008

2007

VNĐ

VNĐ

Số dư đầu kỳ

249.552.243

-

Tăng

65.402.824.088

249.552.243

Kết chuyển sang tài sản cố định

(62.292.146.923)

-

Tại ngày 31 tháng 12

3.360.229.408

249.552.243

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

2008

2007

VNĐ

VNĐ

Số dư đầu kỳ

107.144.873

-

Tăng

896.569.248

151.197.050

Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm

(339.915.095)

(44.052.177)

Tại ngày 31 tháng 12

663.799.026

107.144.873

11. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

Dự phòng trợ cấp
mất việc làm
VNĐ

Các khoản lỗ
tính thuế
VNĐ

Tổng
VNĐ

Tại ngày 1/1/2008

-

-

-

Chuyển sang lợi nhuận trong năm

10.563.290

588.613.960

599.177.250

Tại ngày 31/12/2008

10.563.290

588.613.960

599.177.250

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 5.886.139.601 đồng (2007: 1.688.688.333 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền 5.886.139.601 đồng (2007: không) theo khoản lỗ trên.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Các khoản lỗ tính thuế VNĐ
2012	1.688.688.333
2013	4.197.451.268
	<u>5.886.139.601</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước thể hiện số thuế thu nhập cá nhân phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tại ngày 6 tháng 5 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Khoản vay này có thể được giải ngân bằng Việt Nam đồng và đô la Mỹ với hạn mức tín dụng là 5.491.757 đô la Mỹ và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 7 năm 2012. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng với lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 0,4%/tháng đối với đô la Mỹ và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 0,5%/tháng đối với Việt Nam đồng. Công ty đã thế chấp tất cả tài sản với giá trị còn lại tương đương 62.837.483.218 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty rút vốn với tổng số tiền 21.556.941.201 đồng (2007: không).

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Được phép phát hành:		
Số lượng - cổ phiếu	6.720.000	1.920.000
Mệnh giá - đồng/cổ phiếu	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>67.200.000.000</u>	<u>19.200.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng - cổ phiếu	6.720.000	1.357.032
Mệnh giá - đồng/cổ phiếu	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>67.200.000.000</u>	<u>13.570.320.000</u>



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VNĐ	Lỗi lũy kế VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 28/5/2007	-	-	-
Vốn đã góp trong kỳ	13.570.320.000	-	13.570.320.000
Lỗi trong kỳ	-	(1.688.688.333)	(1.688.688.333)
Số dư tại ngày 31/12/2007	13.570.320.000	(1.688.688.333)	11.881.631.667
Vốn đã góp trong năm	53.629.680.000	-	53.629.680.000
Lỗi trong năm	-	(4.472.404.214)	(4.472.404.214)
Số dư tại ngày 31/12/2008	67.200.000.000	(6.161.092.547)	61.038.907.453

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy Chứng nhận đầu tư của Công ty, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty là 67.200.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và 2007, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư		Vốn đã góp	
	VNĐ	%	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Công ty CP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	18.144.000.000	27	18.144.000.000	9.792.000.000
IEV Energy SDN.BHD	8.064.000.000	12	8.064.000.000	2.434.320.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên	22.864.500.000	34	22.864.500.000	-
Các cổ đông khác	18.127.500.000	27	18.127.500.000	1.344.000.000
	67.200.000.000	100	67.200.000.000	13.570.320.000

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2008 VNĐ	Từ 28/5/2007 đến 31/12/2007 VNĐ
Lãi tiền gửi	1.405.063.454	66.758.458
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.796.494	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	99.925.972	3.651
	1.515.785.920	66.762.109

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2008 VNĐ	From 28/5/2007 to 31/12/2007 VNĐ
Lãi tiền vay	1.148.482.417	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	55.797.057	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	66.852.901	812.365
Chi phí tài chính khác	-	3.622.552
	1.271.132.375	812.365

1372-C
 BANH
 TY
 NHUHA
 TTE
 NAM
 HON

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2008	Từ 28/5/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Lỗ trước thuế	(5.071.581.464)	(1.688.688.333)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(10.796.494)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	884.926.692	-
Lỗ tính thuế	(4.197.451,268)	(1.688.688.333)
Thuế suất	Nil	Nil
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (xem ghi chú 11)	599.177.250	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	599.177.250	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 28% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

18. CAM KẾT VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã ký hợp đồng cam kết với Công ty TNHH Hoàng Thành, để xây dựng nhà máy CNG (Giai đoạn II) với trị giá là 358.215.200 đồng và Công ty TNHH Thiết bị và Hệ thống LPG để mua thiết bị trị giá 569.677.500 đồng.

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2008	Từ 28/5/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm/kỳ	885.007.489	214.986.946

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.437.366.960	348.027.120
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	848.906.590	288.762.880
Sau năm năm	14.893.445.655	2.671.056.640
	17.179.719.205	3.307.846.640

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất, văn phòng và cơ sở hạ tầng tại Thành phố Vũng Tàu.

Tổng số tiền thuê 3.200 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam với giá thuê hàng năm là 1,4 đô la Mỹ/ m². Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 40 năm tính từ ngày 1 tháng 8 năm 2007.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 35 đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu với giá thuê hàng tháng là 2.500 đô la Mỹ trong năm đầu tiên (từ 20 tháng 12 năm 2008 đến 20 tháng 12 năm 2009) và 2.750 đô la Mỹ trong năm thứ 2 và năm thứ 3 (từ 21 tháng 12 năm 2009 đến 20/12/2011).

Và tổng số tiền thuê cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam với giá thuê hàng tháng là 71.000.000 đồng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 20 năm tính từ ngày 7 tháng 5 năm 2008.

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2008 VNĐ	Từ 28/5/2007 đến 31/12/2007 VNĐ
Mua hàng		
Công ty CP Phân Phối Khí Thấp áp Dầu khí Việt Nam	3.860.394.054	-
Vốn góp		
Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	8.352.000.000	9.792.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH Một Thành viên	22.864.500.000	-
IEV Energy SDN.BHD	5.629.680.000	2.434.320.000
Công ty TNHH Sơn Anh	-	1.344.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối Khí Thấp áp Dầu khí Việt Nam	3.360.000.000	
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần		
Nhà Hà Nội	6.720.000.000	
Công Đoàn Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm		
Dầu khí Việt Nam	5.376.000.000	
Công Đoàn Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH Một		
Thành viên	1.327.500.000	

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Các khoản phải trả		
Công ty CP Phân Phối Khí Thấp áp Dầu khí Việt Nam	1.041.744.012	-

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2008 VNĐ	Từ 28/5/2007 đến 31/12/2007 VNĐ
Lương	1.339.972.036	541.426.091
Thưởng	87.874.000	900.000
	1.427.846.036	542.326.091

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm tài chính đầu tiên của Công ty là cho giai đoạn từ ngày 28 tháng 5 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 là giai đoạn ít hơn một năm. Trong khi, năm tài chính hiện tại cho giai đoạn một năm tính từ ngày 1 tháng 1 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Do đó, số liệu trình bày trên 2 năm tài chính không thể so sánh được.